TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 33/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 12/03/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thu Hồng;**

Các Thẩm phán **: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết; Bà Nguyễn Bích Hạnh.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Nguyễn Khánh Nam** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: **Ông Nguyễn Mạnh Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2024 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 09/2024/TLPT-HN&GĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 265/2023/HN&GĐ-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2024/QĐPT-HN&GĐ ngày 21 /02/2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/ QĐ- HPT ngày 29/2/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Quách Văn P, sinh năm 1934 là người giám hộ của anh Quách Ngọc T theo quyết định số 32 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà H, ngõ E, phố V, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Thành V - Công ty L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Lưu Thị C, sinh năm:1973; Địa chỉ: Số nhà E, ngõ G, làng Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội; (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Quách Thị Kiều B, sinh năm 1958; Cư trú: Số C làng Y (số mới 15 ngõ E phố V, phường Y, quận T, Hà Nội) (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, người giám hộ của anh Quách Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Quách Ngọc T và chị Lưu Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận T, thành phố Hà Nội ngày 29/4/2005. Trong quá trình chung sống, do anh Quách Ngọc T bị sang chấn tâm lý dẫn tới việc khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự nên giữa hai người có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân. Từ đầu năm 2019 đến nay, anh T và chị C sống ly thân mỗi người một nơi. Mọi việc chăm sóc, điều trị cho anh T trong suốt nhiều năm qua đều do ông Quách Văn P cùng các anh chị ruột và cháu M con gái của anh T thực hiện. Mặt khác, kể từ khi chị C rời khỏi nhà ra sống riêng, qua một người thân quen, anh T biết việc chị C có quan hệ tình cảm và sống chung với người đàn ông khác nên tình trạng sức khỏe tâm thần của anh T càng trở nên trầm trọng hơn. Nhiều lần anh T thể hiện với gia đình nguyện vọng được ly hôn với chị C để giải thoát gánh nặng tâm lý cũng như để chị C có thể tìm hạnh phúc riêng cho mình. Khi gia đình làm thủ tục đến Tòa án nhân dân quận Tây Hồ tuyên bố anh T bị hạn chế năng lực hành vi, chị C đã từ chối làm người giám hộ mà chị C đang là vợ của anh T. Hiện vợ chồng anh T, chị C ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị C không bao giờ quan tâm, chăm sóc anh T. Nay với tư cách là đại diện giám hộ của anh T, ông P đề nghị Tòa án cho anh T ly hôn với chị C để các bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Quách Ngọc T và chị Lưu Thị C có 01 (một) con chung là Quách Trà M1, sinh ngày 16/8/2005. Kể từ khi chị C bỏ ra ở riêng cho đến nay, cháu Quách Trà M1 vẫn sinh sống cùng anh T. Tính đến thời điểm 16.8.2023, cháu M1 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nhà đất, công nợ: Anh Quách Ngọc T và chị Lưu Thị C trong thời kỳ hôn nhân không có tài sản, nhà đất, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Còn các khoản nợ riêng của chị C vay nợ người khác, thì chị C phải tự chịu trách nhiệm trả nợ, anh T ốm đau bệnh tật chưa bao giờ chị C chăm sóc và chi phí bất kỳ một khoản gì cho anh T nên việc vay nợ giữa chị C và chị B thì chị C tự chịu trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn là chị Lưu Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Quách Ngọc T tổ chức lễ cưới năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, quận T, Thành phố Hà Nội ngày 29/4/2005.

Sau khi cưới vợ chồng chị sống chung với gia đình nhà chồng tại làng Y, cuộc sống gia đình thì chỉ có chị đi làm còn anh T ở nhà vì vậy vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến cãi chửi nhau, chị chồng của chị là bà N chửi chị và bố chồng là ông Quách Văn P đuổi chị ra khỏi nhà và khóa cửa không cho vào nhà từ khoảng tháng 8/2019. Chị phải ở nhờ nhà chị chồng cho đến cuối năm 2020 thì thuê nhà ở riêng. Thực tế chị không tự bỏ nhà ra ở riêng và cũng không sống chung với người khác.

Anh T1 chồng chị bị tai nạn khi đi bộ đội vì vậy khi xuất ngũ về nhà, thời tiết thay đổi mới có hiện tượng đau đầu, không làm được việc nặng. Khi lấy anh T1 chị có biết bệnh tình của anh, nhưng xuất phát từ tình cảm nên chị vẫn chấp nhận lấy anh T1. Nay ông Quách Văn P làm đơn thay cho anh T1 xin ly hôn, chị không đồng ý và chỉ muốn gia đình đoàn tụ để con có bố có mẹ.

Về con chung: Chị xác định, chị và anh T1 có 01 con chung là Quách Trà M1 sinh 16/8/2005, hiện con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có 01 nhà xây 3 tầng, diện tích xây dựng là khoảng 40m^2/tầng, trên diện tích đất 60m^2. Nguồn gốc nhà đất này là do bố chồng chị cho và vợ chồng xây dựng nên. Ngoài ra có đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như tivi, tủ lạnh, xe máy v.v. Do chị không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh T1 có các khoản vay và cho vay, cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay của chị B: Chị xác nhận có vay chị B 2 lần, năm 2009 vay 50 triệu và năm 2021 vay 50 triệu (thời điểm cụ thể chị không nhớ rõ). Vay bằng hình thức nhận tiền mặt trực tiếp giữa chị B và chị. Việc giao nhận tiền ngoài chị B và chị thì không có ai chứng kiến, hai bên cũng không viết giấy tờ gì. Anh T1 không biết việc vay nợ giữa chị B và chị. Nay chị B có đơn yêu cầu thanh toán tiền, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do không yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa tôi và anh T1 và hiện vợ, chồng chị chưa có tiền trả, đề nghị chị B cho vợ chồng chị được trả dần dần cho đến khi hết nợ.

- Đối với khoản vay của chị Y: Chị xác nhận có vay của chị Y 50 triệu vào năm 2010 (thời điểm cụ thể tôi không nhớ rõ). Đơn đề nghị ngày 14/03/2023 chị giao nộp cho Tòa án là chưa đúng số tiền do chị bị nhầm lẫn. Vay bằng hình thức nhận tiền mặt trực tiếp giữa chị Y và chị. Việc giao nhận tiền ngoài chị Y và chị thì không có ai chứng kiến, hai bên cũng không viết giấy tờ gì. Anh T1 không biết việc vay nợ giữa chị Y và chị. Hiện theo chị được biết Tòa án đã thông báo cho chị Y nhưng chị Y vẫn chưa nộp đơn yêu cầu độc lập và các tài liệu chứng cứ về khoản vay này của chị. Trường hợp chị Y giao nộp

đơn yêu cầu độc lập và các tài liệu chứng cứ về khoản vay này của chị, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Trường hợp chị Y không yêu cầu, đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Đối với khoản tiền 10.000.000 đồng chị cho chị Lê Thị Á vay: Chị xác nhận cho chị Á vay số tiền 10 triệu đồng vào năm 2017 (thời điểm cụ thể tôi không nhớ rõ). Vay bằng hình thức nhận tiền mặt trực tiếp giữa chị Á và chị. Việc giao nhận tiền ngoài chị Á và chị thì không có ai chứng kiến, hai bên cũng không viết giấy tờ gì. Anh T1 không biết việc vay nợ giữa chị Á và chị. Hiện do không có tài liệu chứng cứ và chưa có lời khai của chị Á về việc xác nhận khoản vay 10 triệu nên chị chưa làm Đơn yêu cầu độc lập. Tôi sẽ mời chị Á đến Tòa án để trình bày lời khai về khoản vay nợ này. Trường hợp tôi không giao nộp tài liệu chứng cứ, chị Á không có lời khai về khoản vay nợ này, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay nợ này nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B trình bày ý kiến:

Bà là chị chồng của chị Lưu Thị C, chị C và anh Quách Ngọc T kết hôn năm 2004. Sau khi cưới vợ chồng anh T chị C ở chung với bố mẹ và đến năm 2010 thì vợ chồng anh T ra ở riêng tại số A làng Y.

Năm 2009 chị C vay bà 50.000.000đ, việc vay nợ này không viết giấy tờ gì mà bà tự ghi vào sổ riêng của bà và cũng không yêu cầu chị C phải ký xác nhận, vì nghĩ là chị em trong nhà. Tiếp đến năm 2021 chị C tiếp tục vay bà 50.000.000đ, cả hai lần vay đều không có giấy tờ và chỉ ghi vào sổ. Như vậy cả hai lần chị C vay bà là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Việc vay nợ này bà không yêu cầu chị C phải trả lãi, anh T không biết và cũng không ai nói cho anh T biết việc vay nợ giữa bà và chị C. Tuy nhiên nay có việc ông Quách Văn P đại diện cho anh T làm đơn xin ly hôn với chị C, bà đề nghị:

- Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không giải quyết anh T ly hôn với chị C, bà không yêu cầu vợ chồng anh chị phải thanh toán số tiền này.

- Trường hợp Tòa án chấp nhận cho anh T ly hôn với chị C, bà đề nghị tòa án yêu cầu vợ chồng anh T, chị C phải cùng trả số tiền 100.000.000đ. Bà cũng đồng ý để anh chị từ từ tìm phương án trả nợ, không phải trả nợ luôn, bao giờ có tiền thì thanh toán cho bà.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 265/2023/HNGĐ ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Hà Nội đã Quyết định: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Quách Văn P là người giám hộ của anh Quách Ngọc T đối với chị Lưu Thị C.

- *Về con chung, về tài sản, nhà đất và công nợ chung:* Không xem xét giải quyết

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/10/2023 nguyên đơn ông Quách Văn P là người giám hộ của anh Quách Ngọc T gửi đơn kháng cáo qua đường bưu điện, kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm, quyết định cho anh Quách Ngọc T được ly hôn với chị Lưu Thị C theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị C vì thực tế anh chị không chung sống cùng nhau, chị C không quan tâm, chăm sóc bỏ mặc anh T từ nhiều năm nay. Anh T1 ốm đau bệnh tật thường xuyên phải đi viện và phải nhờ chị gái đến để giúp đỡ về việc ăn uống sinh hoạt hàng ngày. Việc này đối với gia đình ông là bố cũng rất khổ tâm và lo lắng cho anh T1 và đây cũng là nguyện vọng tha thiết của anh T1 khi anh T1 tỉnh táo minh mẫn.

Bị đơn chị Lưu Thị C không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn P, đề nghị Toà án giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Chị không đồng ý ly hôn với anh T1 để giữ gia đình cho con, trường hợp chị không chăm sóc được anh T1 thì đã có con gái đã lớn chăm sóc cho bố những lúc ốm đau, bệnh tật.

Bà Quách thị Kiều B1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên toà có ý kiến: Do em trai bà là anh Quách Ngọc T hiện đang ốm đau bệnh tật nên bà không yêu cầu vợ chồng thanh toán số tiền nợ cho bà trong vụ án này. Đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm để vợ chồng đoàn tụ và để chị B1 trở về nhà chăm sóc cho anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm phía bị đơn chị B1 có lời khai xác nhận đã không sinh sống ăn ở cùng anh T từ năm 2019 đến nay. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tình tiết này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn kháng cáo và nguyên đơn là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình: do anh

T bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên người giám hộ của anh T là ông QuáchVăn P1 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Lưu Thị C.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, quyết định cho anh Quách Ngọc T được ly hôn với chị Lưu Thị C

Hội đồng xét xử xét: Anh Quách Văn T2 và chị Lưu Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký hôn tại UBND phường Y, quận T, Thành phố Hà Nội ngày 29/4/2005, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ trước khi kết hôn với chị C anh T2 bị tai nạn giao thông, ngã xuống đường. Bệnh viện T3 đã kết luận anh T2 bị bệnh loạn thần động kinh không biệt định, khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Từ đó những lúc không lúc lên cơn bệnh, anh T2 có lời nói và hành động bất thường, đập phá đồ đạc, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Nhiều năm nay anh T2 phải điều trị ngoại trú tại Trung tâm y tế quận T. Chị C không thể ở cùng anh T2 từ khoảng tháng 8/2019 và anh chị cũng chính thức ly thân từ đó đến nay. Tại hồ sơ tuyên bố mất năng lực của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, chị C thể hiện ý kiến đề nghị tòa án không cử chị là người đại diện cho anh T2. Ngày 09/10/2020 Tòa án nhân dân quận Tây Hồ đã ra Quyết định số 32/2020/QĐST-DS về việc: Tuyên bố anh Quách Ngọc T là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Quyết định cũng xác định ông Quách Văn P là người giám hộ cho anh T. Chị C có ý kiến việc chị thuê nhà ở nơi khác là nằm ngoài ý muốn chủ quan của chị, chị C vẫn tha thiết muốn quay về cùng chung sống vợ chồng với anh T để chăm sóc anh và cho con một mái ấm gia đình. Tuy nhiên, các bên đương sự đều xác nhận từ năm 2019 đến nay, chị C không chung sống cùng anh T, không quan tâm chăm sóc nhau. Toàn bộ việc sinh hoạt, điều trị chữa bệnh cho anh T đều do ông C là bố đẻ và các chị em trong gia đình giúp đỡ.

Như vậy, thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T không tồn tại trong nhiều năm, cả hai bên không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ của của vợ chồng đối với nhau theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Quách Văn P bố đẻ làm giám hộ cho anh T và cũng là người cao tuổi kiên quyết đề nghị Toà án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị C và đây cũng là nguyện vọng tha thiết và chính đáng của anh T khi anh tỉnh táo vì theo ông anh chị không thể tiếp tục chung sống như vợ chồng mà nếu tiếp tục thì chỉ là vợ chồng trên danh nghĩa để hành hạ và làm khổ nhau. Theo ông trình bày, thời gian chị C còn ở cùng anh T, chị C chửi bới anh T rất nhiều, đi sớm về khuya không quan tâm chăm sóc anh T nên càng gây nên sự ức

chế thần kinh đối với anh T. Đây cũng là lý do ông đành phải đón anh T về chăm sóc.

Tại cấp sơ thẩm chị C cũng có ý kiến nếu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh T thì phải chia tài sản chung và nợ chung cho chị. Từ đó thấy rằng, việc chị C không đồng ý ly hôn không xuất phát từ tình cảm vợ chồng mà vì quyền lợi về kinh tế.

Do vậy, xét yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn P là người giám hộ cho anh Quách N1 được ly hôn với chị Lưu Thị C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Quách Ngọc T và chị Lưu Thị C có 01 (một) con chung là Quách Trà M1, sinh ngày 16/8/2005. Cháu đã trưởng thành và trên 18 tuổi, việc ở với ai là quyền của cháu, Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, nhà đất, công nợ: Nguyên đơn trình bày vợ chồng anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi anh chị kết hôn, anh chị không có công việc ổn định, anh T ốm đau thường xuyên phải đi viện. Do vậy anh chị không tạo lập được tài sản chung nào trong quá trình chung sống.Về phía bị đơn chị C cho rằng vợ chồng có tài sản chung là nhà đất do bố mẹ anh T cho nhưng chị không có yêu cầu cụ thể cũng như không đưa ra bất cứ chứng cứ nào để làm căn cứ xác định về quyền sở hữu, quyền sử dụng về tài sản chung vợ chồng. Đối với nợ chung: Chị C và những những người có quyền lợi liên quan có lời khai về việc cho chị C vay nợ nhưng anh T không biết và không có giấy vay nợ, chỉ có nói miệng nên cũng không có yêu cầu cụ thể và cũng không đưa ra chứng cứ về việc vay nợ. từ đó cũng không có yêu cầu về việc giải quyết nợ chung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chưa có căn cứ để giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự về yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn khi có yêu cầu và có căn cứ bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Quách Văn P, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần quan hệ hôn nhân: Anh Quách Ngọc T được ly hôn với chị Lưu Thị C.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Án phí: Ông Quách Văn P là người giám hộ của anh T có đơn xin ly hôn cho anh T, ông P thuộc trường hợp người cao tuổi nên không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa quyết định của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 265/2023/HNGĐ-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Quách Văn P là người giám hộ của anh Quách Ngọc T đối với chị Lưu Thị C. Anh Quách Ngọc T được chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị Lưu Thị C.

2. Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Quách Trà M1 sinh 16/8/2005, hiện con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Toà không xét.

3. Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, Toà khôngh xét. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự khởi kiện chia tài chung sau ly hôn bằng vụ án khác khi có căn cứ và có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Quách Văn P là người giám hộ của anh Quách Văn T2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2024.

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *TAND quận Tây Hồ, Hà Nội;*
- *Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, Hà Nội;*
- *UBND phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng